

Phụ lục
TỔNG THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo quyết định số:111/ QĐ-NH, ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Trường THCS Nguyễn Huệ)

ĐVT: Đồng

Stt	Chi Tiêu	Dự toán			Dự toán chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm	Trong đó			Số tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NQ-CP	Tổng dự toán đơn vị được sử dụng năm 2025	Số thực hiện quyết toán 2025	Dự toán còn lại	Dự toán chuyển nguồn năm 2026	Dự toán nộp trả NS cấp trên	Huỷ dự toán	Ghi chú
		Dự toán giao đầu năm 2025	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	Dự toán còn lại sau tiết kiệm			QĐ số 3726/QĐ-UBND huyện Cư Mgar	QĐ số UBND huyện Cư Mgar	QĐ số 1151/QĐ UBND xã Ea M'Droh								
A	B	1	2	3=(1-2)	4	5=(6+7+8)	6	7	8	9	10=(3+4+5)-9	11	12=(10-11)	13	14	15	16
	Tổng chi ngân sách giáo dục																
I	Cộng chi cân đối	10.559.000.000	127.000.000	10.432.000.000	-	-					10.290.978.133	9.860.222.167	430.755.966				
I.1	Chi cân đối ngân sách	10.559.000.000	127.000.000	10.432.000.000	-	-					10.290.978.133	9.828.574.167	462.403.966				
*	Khởi THCS			-		-							-				
1	Trường THCS Nguyễn Huệ	10.559.000.000	127.000.000	10.432.000.000	-	-					10.290.978.133	9.828.574.167	462.403.966	430.384.665		32.019.301	
	a) Kinh phí thực hiện tự chủ	10.002.000.000	127.000.000	9.875.000.000	-	(247.833.000)	(72.915.000)		(174.918.000)	(96.000.000)	9.682.978.133	9.252.593.468	430.384.665	430.384.665			
	- Tiền lương, phụ cấp và các trích theo lương	8.548.000.000		8.548.000.000		(151.833.000)			(151.833.000)		8.396.167.000	7.998.372.236	397.794.764	397.794.764			
	- Chế độ GV dạy trẻ khuyết tật và GV dạy thể dục	271.000.000		271.000.000		-					271.000.000	147.488.169	123.511.831	123.511.831			
	- Kinh phí chi thường xuyên	1.183.000.000	127.000.000	1.056.000.000	55.811.133		(72.915.000)		(23.085.000)	(96.000.000)	1.015.811.133	1.106.733.063	(90.921.930)	(90.921.930)			
	b) Kinh phí thực hiện không tự chủ	557.000.000		557.000.000		30.000.000			30.000.000		608.000.000	575.980.699	32.019.301			32.019.301	
	- Tiền lương, chế độ HĐ theo ND số 111/2022/NĐ-CP	110.000.000		110.000.000		-					110.000.000	108.470.619	1.529.381			1.529.381	
	- Mua đàn phục vụ dạy học			-		30.000.000			30.000.000		30.000.000	30.000.000	-				
	- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng	429.000.000		429.000.000		-					429.000.000	405.862.080	23.137.920			23.137.920	
I.2	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ	18.000.000		18.000.000		21.000.000			21.000.000		39.000.000	31.648.000	7.352.000			7.352.000	
I.2.1	Từ nguồn ngân sách Trung ương			-		-					-		-				
I.2.2	Từ nguồn ngân sách Tỉnh	18.000.000		18.000.000		21.000.000			21.000.000		39.000.000	31.648.000	7.352.000			7.352.000	
*	Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	18.000.000		18.000.000		-					18.000.000	17.848.000	152.000			152.000	
*	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 thay thế Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ			-		21.000.000			21.000.000		21.000.000	13.800.000	7.200.000			7.200.000	

Kế toán


Nguyễn Thị Thu Năm

Ngày 01 tháng 04 năm 2026
Hiệu Trưởng



Lê Hoài Sơn